| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **02/2024**/HNGĐ-ST
Ngày **11/01/2024**
*Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Minh Đạo**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Tuyết N** - sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: số 136, ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu N** - sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết N trình bày:**

Chị Huỳnh Tuyết N và anh Nguyễn Hữu N tự tìm hiểu quen biết khoảng 02 năm rồi đi đến tổ chức cưới vào ngày 14/01/2018, được UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 11, ngày 21/02/2018. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sống tại thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm thì chị N sinh con và về sống chung với cha mẹ ruột tại xã T , huyện T , đến đầu năm 2023 thì vợ chồng

chuyển về thuê nhà trọ tại Bình Dương sinh sống đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chị N cho rằng do anh N đi làm gần nhà nhưng có khi 3 ngày hoặc đến 1 tuần không về nhà ở, anh N thường hay ghen tuông vô cớ dù chị N không làm gì, ích kỷ tính toán chi ly về tiền bạc với chị N, không tôn trọng gia đình chị N, đòi đâm đòi giết chị N, anh N mua sẵn dao thái lan để trong ba lô, vợ chồng thường hay cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng 2 con chung: Nguyễn Huỳnh Khánh Đ, sinh ngày 22/12/2018 và Nguyễn Huỳnh Đan C, sinh ngày 31/01/2021; hiện hai cháu Khánh Đ và Đan C hiện đang sống với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên tòa chị N yêu cầu**:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị N yêu cầu được ly hôn với anh N .

*Về con chung:* Chị N yêu cầu được nuôi hai người con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng/cháu cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:**

Anh N đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, có 2 con chung, không có tài sản chung và nợ chung là đúng.

Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vào khoảng tháng 5/2023 do anh đi làm công trình xa nên mới ở lại không về, khi anh về thì chị N không có ở nhà; khi chị N về anh mới hỏi chị N đi đâu thì vợ chồng xảy ra cự cãi và anh có chửi chị N, sau đó chị N dọn đồ đi luôn cho đến nay.

**Tại phiên tòa anh N yêu cầu**:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh N đồng ý ly hôn với chị N.

*Về con chung:* Anh N đồng ý giao hai người con cho chị N nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng 1.000.000đ/1 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 11/3/2024.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Tuyết N với anh Nguyễn Hữu N .

- *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao hai cháu Nguyễn Huỳnh Khánh Đ , sinh ngày 22/12/2018 và Nguyễn Huỳnh Đan C , sinh ngày 31/01/2021 cho chị Huỳnh Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/cháu cho đến khi hai cháu Nguyễn Huỳnh Khánh Đ , sinh ngày 22/12/2018 và Nguyễn Huỳnh Đan C , sinh ngày 31/01/2021đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tuyết N được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

***Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Huỳnh Tuyết N , Hội đồng xét xử nhận định:***

**[1]** *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Huỳnh Tuyết N và anh Nguyễn Hữu N chung sống với nhau được Uỷ ban nhân dân xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp chứng nhận kết hôn số 11, ngày 21/02/2018 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N:* Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu khoảng tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi nhau và bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày nhất là trong vấn đề kinh tế gia đình và vợ chồng ly thân cho đến nay. Ngoài ra tại phiên tòa anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Xét thấy: Chị N, anh N chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, từ đó cho thấy vợ chồng chị N, anh N đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; Ngoài ra, chị N và anh N đã ly thân từ tháng 05/2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh N .

**[2]** *Về quan hệ con chung:* Xét yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Khánh Đ , sinh ngày 22/12/2018 và cháu Nguyễn Huỳnh Đan C , sinh ngày 31/01/2021 của chị Huỳnh Tuyết N .

Xét thấy, hiện nay hai cháu Khánh Đ, Đan C vẫn đang được chị N nuôi dưỡng và chị N vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Ngoài ra, cháu hai cháu là con gái và còn nhỏ cần có sự quan tâm và chăm sóc của người mẹ, việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu, mặt khác tại phiên tòa anh N đồng ý giao hai con là Khánh Đ và Đan C cho chị N tiếp tục nuôi. Do đó, yêu cầu của chị Huỳnh Tuyết N là có cơ sở chấp nhận.

**[3]** *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị N yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con mỗi con hàng tháng là 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi và thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 11/3/2024, tại phiên tòa anh N cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N. Do đó hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh N hàng tháng mỗi con 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 11/3/2024.

**[4]** *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Huỳnh Tuyết N , anh Nguyễn Hữu N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

**[5]** Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Huỳnh Tuyết N .

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử**:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Tuyết N với anh Nguyễn Hữu N .

**2.** Về quan hệ con chung: Giao cho chị Huỳnh Tuyết N tiếp tục nuôi hai người con tên Nguyễn Huỳnh Khánh Đ , sinh ngày 22/12/2018 và Nguyễn Huỳnh Đan C , sinh ngày 31/01/2021. Anh Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/cháu cho đến khi hai cháu Nguyễn Huỳnh Khánh Đ , sinh ngày 22/12/2018 và Nguyễn Huỳnh Đan C , sinh ngày 31/01/2021 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 11/3/2024.

Anh Nguyễn Hữu N được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí:

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Tuyết N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000528 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hữu N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

**4.** Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạo**